

Số: 283/2021/NQ-UBTVQH15

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**Ban hành Quy chế làm việc mẫu**  
**của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội**

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;*

*Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 1075/2015/UBTVQH13 ngày 11 tháng 12 năm 2015;*

*Xét đề nghị của Trưởng Ban Công tác đại biểu tại Tờ trình số 644 /TTr-BCTĐB ngày 17 tháng 8 năm 2021;*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1**

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

**Điều 2**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *y*

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI  
CHỦ TỊCH



*Đinh Huệ*

**Vương Đình Huệ**

EPAS: 63844

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ LÀM VIỆC MẪU**  
**CỦA HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 283/2021/NQ-UBTVQH15*  
*ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, mối quan hệ công tác và trình tự xử lý công việc của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

2. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội là thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, các chuyên gia, cộng tác viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, cơ quan tham mưu giúp việc Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

**Điều 2. Tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội**

1. Hội đồng Dân tộc gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực, Ủy viên Chuyên trách và các Ủy viên khác của Hội đồng Dân tộc; Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Ủy ban.

2. Thường trực Hội đồng Dân tộc gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực, Ủy viên Chuyên trách của Hội đồng Dân tộc; Thường trực Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Thường trực, Ủy viên chuyên trách của Ủy ban.

3. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thành lập các Tiểu ban có thể hoạt động thường xuyên hoặc có thời hạn hoặc theo vụ việc để nghiên cứu, chuẩn bị các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội. Mỗi Tiểu ban có thể do Chủ tịch, Chủ nhiệm hoặc phân công một Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban hoặc Ủy viên Thường trực làm Trưởng Tiểu ban. Thành viên Tiểu ban gồm Ủy viên Thường trực, Ủy viên chuyên trách, Ủy viên khác của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các thành viên khác có thể không phải là thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc không phải là đại biểu Quốc hội.

Số lượng Tiểu ban, thời hạn hoạt động của Tiểu ban do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban quyết định.

Việc phân công Phó Trưởng Tiểu ban và quyết định số lượng thành viên các Tiểu ban mời ngoài thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban do Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban quyết định.

4. Khi cần thiết, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có thể thành lập Nhóm nghiên cứu để phục vụ công tác chuyên môn, giúp việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội quyết định số lượng thành viên và phân công Trưởng Tiểu Ban hoặc Phó Trưởng Tiểu ban làm Trưởng Nhóm. Thành viên tham gia Nhóm nghiên cứu có thể không phải là thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc không phải là đại biểu Quốc hội.

5. Các thành viên khác của Tiểu ban, thành viên Nhóm nghiên cứu không phải là thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc không phải là đại biểu Quốc hội được mời và đồng ý tham gia Tiểu ban, tham gia Nhóm, hoạt động với tư cách chuyên gia cần thực hiện đầy đủ các quy chế, quy định của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

### **Điều 3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội**

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

2. Hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải tuân thủ quy định của Hiến pháp và pháp luật, công khai, minh bạch, dân chủ, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công phụ trách; bảo đảm sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội.

3. Phiên họp toàn thể của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải có quá nửa tổng số thành viên tham dự.

4. Quyết định của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

#### **Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và thành viên của Hội đồng, Ủy ban**

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thành viên của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội nơi mình ứng cử hoặc tham gia sinh hoạt;

b) Tham gia đầy đủ các phiên họp toàn thể và các hoạt động khác của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội theo triệu tập và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội và Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội. Trường hợp vắng mặt phải xin phép và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội;

c) Tham gia thảo luận, biểu quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; tham gia ý kiến và gửi báo cáo về những vấn đề mà Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội yêu cầu;

d) Tham gia đoàn giám sát, đoàn công tác, đoàn khảo sát, nghiên cứu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội theo phân công hoặc khi được mời tham dự;

đ) Được thông tin đầy đủ về chương trình, kế hoạch và các nội dung hoạt động, các thông tin, báo cáo, tài liệu chuyên môn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên;

e) Giữ mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức hữu quan theo lĩnh vực cụ thể; góp phần làm cầu nối, giữ mối liên hệ phối hợp giữa Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội với Đoàn đại biểu Quốc hội nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu và thực hiện các nhiệm vụ khác do Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội phân công.

3. Thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội là đại biểu hoạt động không chuyên trách nếu do tính chất, yêu cầu công việc hoặc vì lý do riêng không thể tham gia các hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thì có thể chủ động làm đơn xin thôi làm thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

4. Định kỳ hàng năm, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội phối hợp với Ban Công tác đại biểu tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; hoạt động của các đại biểu là thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban. Trường hợp trong cả năm mà thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội không bố trí được quá 50% thời gian tham gia các hoạt động được yêu cầu theo kế hoạch của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban thì Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đại biểu thôi tham gia làm thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban.

**Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội**

Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban giúp Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giải quyết các công việc thường xuyên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban trong thời gian giữa hai kỳ họp của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 86 của Luật Tổ chức Quốc hội.

**Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tiểu ban và Nhóm nghiên cứu**

Tiểu ban và Nhóm nghiên cứu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công thuộc lĩnh vực chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Dân tộc, Ủy ban và trước Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội.

**Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội**

Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 85 của Luật Tổ chức Quốc hội và nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội.

**Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội**

Ngoài các nhiệm vụ chung được quy định tại Điều 4 của Quy chế này, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Giúp Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội tham gia điều hành công việc của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội theo phân công của Chủ tịch, Chủ nhiệm; tham gia thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội; nghiên cứu, đề xuất với Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội và Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban về những vấn đề thuộc lĩnh vực được phân công và các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách.

2. Được phân công làm Trưởng Tiểu ban, Phó Trưởng Tiểu ban, Trưởng Nhóm nghiên cứu phù hợp với cơ cấu của Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu.

3. Giúp Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội trực tiếp làm đầu mối phối hợp với các cơ quan khác của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo lĩnh vực được phân công.

4. Được Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban khi Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội vắng mặt.

5. Trực tiếp nghiên cứu, biên tập và chỉ đạo Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu và Vụ chuyên môn nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến góp ý về các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết và các nội dung khác được Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban phân công để báo cáo Hội đồng, Ủy ban, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban của Quốc hội.

#### **Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Thường trực**

Ngoài các nhiệm vụ chung được quy định tại Điều 4 của Quy chế này, Ủy viên Thường trực của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tham gia và thực hiện các nhiệm vụ, công việc của Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu khi được phân công.

2. Được phân công làm Trưởng Tiểu ban, Trưởng Nhóm nghiên cứu phù hợp với cơ cấu của Tiểu ban, Nhóm.

3. Trực tiếp nghiên cứu, biên tập văn bản của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đề xuất với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban về các nội dung thuộc thẩm quyền, lĩnh vực hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội.

4. Tham gia chỉ đạo Vụ chuyên môn chuẩn bị ý kiến, tài liệu nghiên cứu về các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết và các vấn đề khác được phân công.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban hoặc của Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban được phân công phụ trách Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu.

#### **Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Chuyên trách**

Ngoài các nhiệm vụ chung được quy định tại Điều 4 của Quy chế này, Ủy viên Chuyên trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tham gia và thực hiện các nhiệm vụ, công việc của Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu khi được phân công.

2. Trực tiếp nghiên cứu, biên tập văn bản của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đề xuất với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban.

3. Tham gia chỉ đạo Vụ chuyên môn chuẩn bị ý kiến, tài liệu nghiên cứu về các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết và các vấn đề khác được phân công.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban hoặc của Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban được phân công phụ trách Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu.

**Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên khác của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội**

Ngoài các nhiệm vụ chung được quy định tại Điều 4 của Quy chế này, đại biểu Quốc hội là Ủy viên khác của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Được mời tham dự các phiên họp mở rộng của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội theo yêu cầu của Thường trực hoặc nguyện vọng của đại biểu.

2. Chủ động nghiên cứu, đề xuất với Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban; Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban về những vấn đề thuộc thẩm quyền, lĩnh vực hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc đại biểu quan tâm.

3. Giữ mối liên hệ thường xuyên với Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban; Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban và các đại biểu khác; thực hiện tốt vai trò cầu nối, giữ mối liên hệ phối hợp giữa Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội với Đoàn đại biểu Quốc hội và các cơ quan nơi công tác hoặc ứng cử.

4. Tham gia đầy đủ các hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội khi được yêu cầu; phối hợp, hỗ trợ Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban triển khai các hoạt động tại địa phương, cơ quan nơi công tác, làm nhiệm vụ đại biểu; cung cấp những thông tin về tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương, lĩnh vực công tác để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

5. Chủ động phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân ở địa phương hoặc cơ quan công tác tổ chức các hoạt động tham vấn, lấy ý kiến nhân dân, cử tri nơi công tác, làm nhiệm vụ đại biểu về các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, các nội dung khác do Hội đồng Dân tộc hoặc Ủy ban chủ trì thẩm tra, giám sát.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội và Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban.

## **Điều 12. Về nhiệm vụ và trách nhiệm của thành viên Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu**

Nhiệm vụ và trách nhiệm của thành viên Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban quy định phù hợp, đảm bảo hoạt động, chất lượng hiệu quả.

### **Chương III**

## **PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG**

### **Mục 1**

## **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI**

### **Điều 13. Hình thức hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội**

1. Hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được thực hiện thông qua phiên họp toàn thể, các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra, giải trình và các hoạt động khác theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Các phiên họp toàn thể có thể họp trực tiếp tập trung hoặc họp trực tuyến trong trường hợp cần thiết.

2. Khuyến khích tổ chức các hoạt động trực tuyến phù hợp với các nội dung, hoàn cảnh cụ thể nhưng phải bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

3. Trường hợp phát sinh những vấn đề đột xuất, cấp bách, hoặc trường hợp bất khả kháng (do thiên tai, dịch bệnh) mà không thể triệu tập phiên họp toàn thể để xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền thì Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội tổ chức họp tập thể Thường trực và quyết định việc lấy ý kiến của thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội bằng văn bản hoặc biểu quyết bằng các hình thức phù hợp khác.

4. Ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức biểu quyết phù hợp khác của thành viên Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có giá trị pháp lý như ý kiến phát biểu hoặc biểu quyết trực tiếp tại phiên họp toàn thể tập trung.

### **Điều 14. Phiên họp toàn thể của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội**

Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội triệu tập phiên họp toàn thể để xem xét, thảo luận, quyết định các vấn đề sau đây:

1. Chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

2. Thẩm tra hoặc tham gia thẩm tra dự án luật, dự thảo nghị quyết, tờ trình, báo cáo, đề án và các dự án khác trình Quốc hội; thẩm tra hoặc tham gia thẩm tra dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án, đề nghị và các dự án khác trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có thể ủy quyền cho Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban thực hiện việc tham gia thẩm tra.

3. Xem xét văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo lĩnh vực được phân công.

4. Thành lập đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban và xem xét báo cáo của đoàn giám sát.

5. Tổ chức phiên giải trình về những vấn đề thuộc lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách.

6. Kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét trình Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

7. Thành lập Tiểu ban của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban.

8. Xem xét, thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

9. Những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

### **Điều 15. Quyết định tổ chức phiên họp toàn thể**

1. Căn cứ chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm, 6 tháng, hàng quý, hàng tháng, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban, Vụ chuyên môn giúp việc, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội quyết định tổ chức phiên họp toàn thể để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền.

2. Việc tổ chức phiên họp toàn thể của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội, trừ trường hợp tổ chức phiên họp kín.

3. Đại biểu Quốc hội không phải là thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được đăng ký tham dự phiên họp công khai của Hội đồng, Ủy ban về các nội dung dung mà mình quan tâm.

### **Điều 16. Chủ tọa, thành phần, hồ sơ tài liệu, biên bản phiên họp toàn thể**

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban chủ tọa các phiên họp toàn thể. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban có thể ủy quyền một Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban điều hành từng nội dung trong phiên họp toàn thể.

2. Thành viên và khách mời tham dự phiên họp toàn thể Hội đồng Dân tộc, Ủy ban được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và khoản 2 Điều 15 của Quy chế này.

3. Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan, cá nhân được mời tham dự phiên họp bàn về nội dung có liên quan có trách nhiệm dự họp hoặc cử người dự họp thay

đúng thành phần; trường hợp không thể dự họp thì phải có văn bản thông báo tới Vụ chuyên môn để báo cáo Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội.

4. Tài liệu phiên họp được gửi trước đến thành viên Hội đồng Dân tộc, thành viên Ủy ban và khách mời tham dự phiên họp; đại diện cơ quan thông tấn, báo chí được cung cấp tài liệu, trừ tài liệu mật; tài liệu của phiên họp được sử dụng và lưu trữ theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ.

5. Phiên họp toàn thể Hội đồng Dân tộc, Ủy ban phải được ghi biên bản và có thể ghi âm khi cần thiết.

### **Điều 17. Việc lấy ý kiến của thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội bằng văn bản**

1. Việc lấy ý kiến của thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội bằng văn bản chỉ thực hiện trong trường hợp không tổ chức được phiên họp toàn thể Hội đồng, Ủy ban quy định tại khoản 3 Điều 13 của Quy chế này.

2. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban có trách nhiệm dự thảo nội dung và gửi xin ý kiến các thành viên Hội đồng Dân tộc, các thành viên Ủy ban.

3. Thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban có trách nhiệm nghiên cứu, gửi ý kiến tham gia bằng văn bản đúng thời hạn, nội dung yêu cầu đến Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban. Nội dung được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban tán thành thì được coi là quyết định của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban.

### **Điều 18. Việc ban hành văn bản của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội**

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban phân công thành viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban chủ trì việc tổ chức xây dựng dự thảo văn bản trình Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban xem xét, thông qua trước khi trình Hội đồng Dân tộc, Ủy ban.

2. Thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban xem xét, cho ý kiến, quyết định thông qua dự thảo văn bản tại phiên họp toàn thể hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu ý kiến thành viên, hoàn thiện văn bản, báo cáo Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban xem xét, quyết định việc ký ban hành.

### **Điều 19. Hoạt động phối hợp của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội**

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm tham gia thẩm tra chủ trì, phối hợp theo quy định của Điều 79 của Luật Tổ chức Quốc hội và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội phối hợp với Ban Công tác đại biểu giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc đề xuất, thực hiện kế hoạch quy hoạch nguồn nhân sự, công tác tổ chức, cán bộ, chế độ chính sách đối với các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội chuyên trách theo phân cấp quản lý cán bộ; theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của đại biểu Quốc hội chuyên trách.

3. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội phối hợp với Ban Dân nguyện giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; tiếp nhận, nghiên cứu, chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền giải quyết; theo dõi, đôn đốc, giám sát việc giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc xử lý, giải quyết đơn thư được thực hiện theo Nghị quyết quy định chi tiết về hoạt động tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội.

4. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội chủ trì, phối hợp với Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội quy định tổ chức, phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của đơn vị chuyên môn trực tiếp giúp việc Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trong việc:

a) Xây dựng nội dung, chương trình, trình tự, thủ tục kỳ họp của Quốc hội, phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các hoạt động khác của lãnh đạo Quốc hội; chuẩn bị nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Phục vụ các điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất, tài chính, thiết bị khác.

c) Xây dựng quy hoạch, điều động, tuyển dụng, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật công chức và thực hiện các chế độ, chính sách đối với công chức thuộc đơn vị chuyên môn trực tiếp giúp việc Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Quốc hội.

## Mục 2

### HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, THƯỜNG TRỰC ỦY BAN, CÁC TIỂU BAN VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU

#### **Điều 20. Hình thức hoạt động của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban**

Hoạt động của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban được thực hiện thông qua các phiên họp, các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra và các hoạt động khác của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban. Trường hợp không thể tổ chức phiên họp Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban thì Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban có thể quyết định lấy ý kiến của thành viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban

bằng văn bản hoặc các hình thức phù hợp khác. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban biểu quyết tập thể và quyết định theo đa số. Các ý kiến khác được ghi nhận và thể hiện trong báo cáo của Thường trực.

### **Điều 21. Hoạt động của Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu**

1. Trưởng Tiểu ban chịu trách nhiệm trước Hội đồng Dân tộc, Ủy ban, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban, Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban về hoạt động của Tiểu ban; có trách nhiệm chỉ đạo, phân công, điều hành các thành viên thực hiện các nhiệm vụ của Tiểu ban.

2. Trưởng Nhóm nghiên cứu chịu trách nhiệm trước Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban, Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban về hoạt động của Nhóm nghiên cứu; có trách nhiệm chỉ đạo, phân công, điều hành các thành viên thực hiện các nhiệm vụ của Nhóm nghiên cứu.

3. Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu hoạt động theo chế độ chuyên gia. Hoạt động của Tiểu ban, nhóm nghiên cứu có thể tiến hành thông qua các hình thức như: tổ chức nghiên cứu tư vấn; khảo sát, thu thập thông tin, các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm và các hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tế về nguồn lực, nội dung cụ thể.

4. Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu báo cáo với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công phụ trách bằng hình thức phù hợp; phát huy vai trò chủ động của Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu, từng thành viên Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu nhưng phải đảm bảo nguyên tắc chịu sự điều hành của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban.

### **Điều 22. Cơ chế phân công, phối hợp, chịu trách nhiệm trong Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội**

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban chủ trì, điều hành hoạt động của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban; trực tiếp phân công, điều phối hoạt động của các Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Ủy viên Thường trực và Ủy viên Chuyên trách; thực hiện kết hợp cơ chế phân công công việc cho Nhóm nghiên cứu và cá nhân từng thành viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội được phân công làm Trưởng Tiểu ban, Trưởng Nhóm nghiên cứu có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ đạo tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về các hoạt động của Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu; thay mặt Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu trình bày ý kiến về các nội dung do Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu phụ trách tại phiên họp toàn thể.

3. Ủy viên Thường trực được phân công làm Trưởng tiểu ban hoặc Trưởng Nhóm nghiên cứu có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ đạo tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về các hoạt động của Tiểu ban, Nhóm Nghiên cứu.

4. Ủy viên Chuyên trách có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo phân công hoặc theo điều phối của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Trưởng Tiểu ban, bảo đảm chất lượng, tiến độ và chịu trách nhiệm về nội dung công việc được phân công.

**Điều 23. Trách nhiệm chuẩn bị các nội dung do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội chủ trì thẩm tra, chuẩn bị ý kiến**

1. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban phân công các Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu chủ trì chuẩn bị các nội dung thẩm tra hoặc tham gia thẩm tra, chuẩn bị ý kiến đối với các dự án, dự thảo, tờ trình, báo cáo, đề án.

2. Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu được phân công tổ chức việc chủ trì chuẩn bị thẩm tra hoặc tham gia thẩm tra, chuẩn bị ý kiến có trách nhiệm sau đây:

a) Kiểm tra, xem xét hồ sơ, thủ tục trình theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức các hoạt động để phục vụ việc chuẩn bị thẩm tra, chuẩn bị ý kiến; phối hợp với cơ quan soạn thảo và các cơ quan, tổ chức hữu quan để trao đổi các vấn đề thuộc nội dung chuẩn bị thẩm tra, chuẩn bị ý kiến;

c) Chuẩn bị báo cáo của Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu, dự thảo báo cáo ý kiến của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban về các nội dung được phân công thuộc trách nhiệm chủ trì để báo cáo tại các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội;

d) Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu giúp Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban tiếp thu, hoàn thiện báo cáo của Thường trực để Thường trực trình Hội đồng, Ủy ban;

đ) Giúp xây dựng, hoàn thiện dự thảo báo cáo thẩm tra hoặc tham gia thẩm tra, báo cáo ý kiến của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

e) Tổ chức việc tiếp thu ý kiến của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban và các ý kiến tham gia khác để hoàn thiện dự thảo báo cáo thẩm tra, báo cáo tổng hợp ý kiến trình Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban xem xét, quyết định;

g) Tổ chức việc chuẩn bị dự thảo văn bản giải trình, tiếp thu, chỉnh lý đối với các dự án, dự thảo, tờ trình, báo cáo, đề án sau khi được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến;

h) Tổ chức việc chủ trì rà soát, hoàn thiện kỹ thuật văn bản đối với dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết trước và sau khi được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua; trình Chủ tịch Quốc hội ký văn bản.

**Điều 24. Trách nhiệm chuẩn bị các nội dung do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tham gia thẩm tra, tham gia chuẩn bị ý kiến**

1. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban phân công Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Trưởng Tiểu ban hoặc Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy viên Thường trực Ủy ban tổ

chức việc chuẩn bị các nội dung tham gia thẩm tra hoặc tham gia chuẩn bị ý kiến đối với các dự án, dự thảo tờ trình, báo cáo, đề án.

2. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Trưởng Tiểu ban, Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban được phân công tổ chức việc chủ trì chuẩn bị các nội dung tham gia thẩm tra, tham gia chuẩn bị ý kiến có trách nhiệm sau đây:

a) Phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan soạn thảo để trao đổi các vấn đề thuộc nội dung tham gia thẩm tra, tham gia chuẩn bị ý kiến;

b) Chuẩn bị dự thảo văn bản tham gia thẩm tra, tham gia chuẩn bị ý kiến của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban hoặc của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban; tổ chức việc lấy ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban, trường hợp cần thiết có thể đề nghị tổ chức phiên họp Thường trực hoặc phiên họp toàn thể hoặc gửi xin ý kiến các thành viên Hội đồng Dân tộc, thành viên Ủy ban bằng văn bản; tiếp thu, hoàn thiện văn bản để gửi tới cơ quan chủ trì thẩm tra, chủ trì chuẩn bị ý kiến;

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban phát biểu ý kiến tham gia thẩm tra, tham gia chuẩn bị ý kiến tại phiên họp của cơ quan chủ trì thẩm tra, chủ trì chuẩn bị ý kiến;

d) Tổ chức việc chuẩn bị văn bản tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban phát biểu về nội dung tham gia thẩm tra, tham gia chuẩn bị ý kiến tại phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

đ) Tổ chức việc tiến hành rà soát, hoàn thiện về kỹ thuật văn bản đối với dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết trước khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật;

e) Tổ chức việc tiến hành rà soát, hoàn thiện về kỹ thuật văn bản đối với luật, nghị quyết sau khi đã được Quốc hội thông qua để trình Chủ tịch Quốc hội ký văn bản.

## **Điều 25. Phiên họp Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban**

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban được tổ chức để thực hiện các hoạt động chủ yếu sau đây:

a) Chuẩn bị các nội dung để trình Hội đồng, Ủy ban tại các phiên họp toàn thể hoặc thông qua dự thảo văn bản để lấy ý kiến Hội đồng, Ủy ban;

b) Giao ban công việc của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban;

c) Xem xét thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban;

d) Thẩm tra sơ bộ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, tờ trình, báo cáo, đề án và dự án khác để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét trước khi trình Quốc hội;

đ) Thảo luận, cho ý kiến về việc tiếp thu, chỉnh lý dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và dự án khác sau khi được Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến;

e) Chuẩn bị ý kiến tham gia thẩm tra, tham gia ý kiến đối với các dự án, dự thảo, tờ trình, báo cáo, đề án do Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội chủ trì thẩm tra, chủ trì chuẩn bị ý kiến;

g) Triển khai, chỉ đạo hoạt động giám sát, khảo sát; xem xét báo cáo kết quả giám sát, khảo sát trước khi đưa ra phiên họp toàn thể xem xét, quyết định;

h) Xem xét, cho ý kiến vào dự thảo báo cáo hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban, báo cáo ý kiến của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban và các tài liệu khác trước khi đưa ra xem xét, thảo luận tại phiên họp toàn thể.

2. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban có thể tổ chức phiên họp mở rộng có sự tham dự của một số thành viên khác của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban và mời đại diện các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan có liên quan dự họp.

3. Phiên họp Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban giao ban, hội ý, trao đổi công việc trong Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban được tổ chức ít nhất một tháng một lần; các phiên họp khác của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban do Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội quyết định.

### **Điều 26. Xử lý công văn, văn bản, đơn thư gửi đến Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội**

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội trực tiếp xử lý và phân công cho cấp phó xử lý công văn gửi đến Hội đồng Dân tộc, Ủy ban theo lĩnh vực công tác.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội xử lý công văn gửi đến Hội đồng Dân tộc, Ủy ban theo phân công của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội.

3. Công văn, văn bản, đơn thư phải được xử lý, trả lời và theo dõi, nộp văn thư, lưu trữ theo quy định; Vụ chuyên môn có trách nhiệm giúp việc xử lý, phân loại, vào sổ theo dõi theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ.

### **Điều 27. Việc ban hành văn bản của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban**

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội phân công thành viên chủ trì việc tổ chức xây dựng dự thảo văn bản. Vụ chuyên môn có trách nhiệm tham mưu, tổ chức nghiên cứu, soạn thảo văn bản.

2. Thành viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban xem xét, cho ý kiến về dự thảo văn bản.

3. Người được phân công chủ trì việc tổ chức soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến, hoàn thiện văn bản, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội xem xét, quyết định việc ký ban hành.

4. Văn bản của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban được sử dụng con dấu của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

### **Mục 3**

#### **VIỆC ĐI CÔNG TÁC; CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO; VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ; THẨM QUYỀN KÝ VĂN BẢN**

##### **Điều 28. Việc tổ chức đoàn công tác, cử người đi công tác**

1. Việc cử người tham gia các đoàn công tác trong nước theo yêu cầu của lãnh đạo Quốc hội, đề nghị của các cơ quan, tổ chức hữu quan do Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội xem xét, quyết định. Người được cử đi công tác có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác với Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban sau khi kết thúc chuyến công tác.

2. Việc tổ chức đoàn công tác của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội đi nghiên cứu, khảo sát kinh nghiệm ở nước ngoài thực hiện theo Quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và các quy định của có liên quan của Đảng và Nhà nước.

3. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định danh sách đoàn của Ủy ban đi công tác nước ngoài hoặc cử đại diện Hội đồng Dân tộc, Ủy ban tham dự tập huấn, hội nghị, hội thảo quốc tế, tham gia đoàn công tác của lãnh đạo Quốc hội hoặc cơ quan khác. Trưởng đoàn, người được cử đi công tác nước ngoài có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lãnh đạo Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội và Trưởng Ban Công tác đại biểu về kết quả chuyến công tác.

##### **Điều 29. Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế**

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thực hiện quan hệ đối ngoại với cơ quan hữu quan của Quốc hội các nước, cơ quan hữu quan khác của nước ngoài, tổ chức quốc tế nhằm nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, góp phần tăng cường quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế theo chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước.

2. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội đề xuất, dự kiến chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hằng năm của Hội đồng, Ủy ban theo quy định.

3. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được thực hiện theo Quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội.

### **Điều 30. Chế độ thông tin, báo cáo và phát ngôn báo chí**

1. Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình hoạt động theo quy định và yêu cầu của Lãnh đạo Quốc hội.

2. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội là người thay mặt Hội đồng Dân tộc, Ủy ban trình bày báo cáo trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội không thể tham dự cuộc họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình bày thì có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch, Phó Chủ nhiệm trình bày.

3. Thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Nội quy kỳ họp Quốc hội và Quy chế này.

4. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội với tư cách người đứng đầu Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có thẩm quyền trả lời hoặc phân công cho thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban trả lời và cung cấp thông tin cho báo chí ý kiến của Ủy ban về các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

### **Điều 31. Việc quản lý và sử dụng kinh phí**

Việc quản lý và sử dụng kinh phí ở Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phải đảm bảo nguyên tắc đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và đúng quy định.

### **Điều 32. Thẩm quyền ký văn bản của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và việc phát hành văn bản**

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban thay mặt ký văn bản của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban, trừ trường hợp ủy quyền ký thay.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban ký văn bản theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi lĩnh vực được phân công phụ trách; ký công văn góp ý kiến, giấy mời họp và công văn khác liên quan trực tiếp đến nội dung được giao phụ trách và theo phân công của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban.

3. Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban có thể được ký văn bản nếu được sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban trong phạm vi lĩnh vực được phân công phụ trách; ký công văn góp ý kiến, giấy mời họp gửi các cơ quan trong nội bộ của Quốc hội về vấn đề liên quan trực tiếp đến nội dung mà mình được phân công phụ trách hoặc một số nội dung khác do Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội phân công.

4. Thủ tục phát hành văn bản thực hiện theo quy định chung của Văn phòng Quốc hội.

**Điều 33. Quan hệ của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội với các cơ quan, tổ chức hữu quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm:

1. Xây dựng, duy trì thường xuyên mối quan hệ phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội trong thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Xây dựng, duy trì mối quan hệ với các Bộ, ngành, tổ chức hữu quan ở Trung ương để đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình.

3. Xây dựng, duy trì mối quan hệ thường xuyên với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong các hoạt động có liên quan của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

4. Việc xây dựng quan hệ phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan có thể được thực hiện thông qua việc ký kết thỏa thuận phối hợp công tác hoặc các hình thức khác do Hội đồng, Ủy ban, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban quyết định.

**Chương IV**  
**CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC,**  
**CỘNG TÁC VIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM THAM MƯU, GIÚP VIỆC**  
**CỦA VỤ CHUYÊN MÔN**

**Điều 34. Chế độ sử dụng chuyên gia, cộng tác viên**

1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được mời chuyên gia, nhà khoa học, cộng tác viên là những người có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách.

2. Chuyên gia, nhà khoa học, cộng tác viên tham mưu, nghiên cứu, tư vấn những vấn đề phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của mình và theo đúng yêu cầu của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội đặt ra khi mời chuyên gia, cộng tác viên. Chuyên gia, cộng tác viên có thể được mời tham gia hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Tiểu ban và Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban với những nhiệm vụ mà Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giao, phát biểu ý kiến về những vấn đề được giao nghiên cứu tại các phiên họp, cuộc họp của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Tiểu ban khi được mời.

Trường hợp không tham dự được thì phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội.

3. Chuyên gia, cộng tác viên được hưởng thù lao phù hợp với các quy định hiện hành; có thể được mời tham gia hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Tiểu ban và Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban với những nhiệm vụ mà Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giao, các ý kiến về những vấn đề được giao nghiên cứu tại các phiên họp, cuộc họp của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Tiểu ban khi được mời.

4. Cộng tác viên giữ mối liên hệ thường xuyên với Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban và có trách nhiệm thực hiện những công việc theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội. Không được sử dụng danh nghĩa Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội khi tham gia các hoạt động khác.

### **Điều 35. Trách nhiệm tham mưu, giúp việc của Vụ chuyên môn**

1. Vụ chuyên môn là đơn vị trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban; chấp hành sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban và các Ủy viên Thường trực, Ủy viên Chuyên trách Hội đồng Dân tộc, Ủy ban để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của Vụ trưởng Vụ chuyên môn:

a) Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban về việc thực hiện nhiệm vụ của Vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác theo quy định của Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;

b) Theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban, dự kiến thành phần dự họp, làm giấy mời và chỉ đạo, chịu trách nhiệm việc chuẩn bị tài liệu và các điều kiện bảo đảm khác phục vụ phiên họp toàn thể, phiên họp của Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban; tổ chức việc ghi biên bản họp, tổ chức nhiệm vụ văn thư, lưu trữ theo quy định;

c) Đề xuất và tổng hợp danh sách chuyên gia, cộng tác viên và các chế độ, chính sách đối với chuyên gia, cộng tác viên trình Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội xem xét, quyết định;

d) Thừa lệnh Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội ký công văn, thông báo, giấy mời họp nội bộ Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban hoặc trường họp đặc biệt khác theo chỉ đạo;

e) Phân công Phó Vụ trưởng và chuyên viên thuộc nhóm chủ trì xây dựng báo cáo thẩm tra, cho ý kiến. Phó Vụ trưởng và chuyên viên có trách nhiệm tham mưu, giúp việc Chủ tịch, Chủ nhiệm, Phó Chủ tịch, Phó Chủ nhiệm, Tiểu ban, Nhóm nghiên cứu để thực hiện nhiệm vụ; tham dự và phục vụ đầy đủ các phiên

họp của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban. Chuyên viên các nhóm khác có thể được mời tham dự phiên họp của Ủy ban tùy theo tính chất và nội dung công việc.

## Chương V

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế mẫu này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội căn cứ Quy chế làm việc mẫu và quy định của các văn bản pháp luật có liên quan, xây dựng Quy chế làm việc phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn, đặc điểm, tình hình cụ thể của từng cơ quan.
3. Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện quy chế làm việc của Hội đồng, Ủy ban vào tháng 12 hằng năm.

#### Điều 37. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh hoặc có quy định, yêu cầu mới cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thì Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội gửi ý kiến đến Trưởng Ban Công tác đại biểu tổng hợp báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. *y*

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI  
CHỦ TỊCH



★ Vương Đình Huệ